TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 198/2024/HS-ST
Ngày: 21- 8 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Thiệu Văn Kết Em.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Giàu

Bà Trần Ngọc Phương.

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Phạm Thanh Trang, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 208/2024/HSST ngày 16 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 263/2024/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. **Lê Ngọc D**, sinh năm: 1992 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn M, xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 11/12; Con ông Lê Ngọc C, đã chết và bà Lê Thị X.

- Tiền án:

Ngày 28/01/2019, bị Toà án nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm 02 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo bản án số: 21/2019/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/11/2019.

Ngày 16/3/2021, bị Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm 9 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo bản án số: 43/2021/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/6/2022.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

Ngày 27/11/2013, bị Toà án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo bản án số: 22/2013/HSST (đã xóa án tích).

Ngày 17/3/2014, bị Toà án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá xử phạt 30 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản theo bản án số: 08/2014/HSST. Tổng hợp với phần hình phạt chưa chấp hành của bản án số 22/2013 của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng là 27 ngày cộng thành 30 tháng 27 ngày tù. Chấp hành án phạt tù ngày 14/6/2016 (đã xóa án tích).

- Ngày 03/01/2024 bị Công an phường B xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

2**. Từ Văn C1**, sinh năm: 1993 tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Số B, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; Con ông Từ Văn C2 và bà Trần Thị L; Vợ: Hồ Thị T (đã ly hôn) và có 02 người con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2020.

- Tiền án: Ngày 18/01/2021, bị Toà án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm 3 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại bản án số 10/2021/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/9/2022.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

Ngày 01/11/2011, bị Tòa án nhân dân huyện (nay là thành phố) T xử phạt 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 12 tháng về tội Trộm cắp tài sản tại bản án số 19/2011/HSST. Đã chấp hành xong hình phạt (xóa án tích).

Ngày 11/5/2016, bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm 3 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại bản án số 145/2016/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/7/2017.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/6/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

3. **Ngô Phương V**, sinh năm: 1993 tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp M, xã T, huyện P, tỉnh An Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 3/12; Con ông Ngô Chế L1 và bà Trần Thị M; Vợ: Nguyễn Thị Bé T1 và có 02 người con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2017.

- Tiền án; tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 20/9/2021, bị Toà án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 07 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại bản án số 234/2021/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/11/2021 (đã xóa án tích).

- Ngày 03/01/2024 bị Công an phường B xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/01/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

4. **Lâm Văn V1**, sinh năm: 1993 tại tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú: Ấp C, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khmer; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; Con ông Lâm Hồng C3 và bà Kim Thị Chanh T2; Vợ: Khương Thị Mỹ N và có 02 người con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2019.

- Tiền án; tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 03/01/2024 bị Công an phường B xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

5. **Nguyễn Văn D1**, sinh năm: 2000 tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 01/12; Con ông Nguyễn Văn K và bà Phạm Thị M1.

- Tiền án; tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 03/01/2024 bị Công an phường B xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

- *Bị hại:*

1. Trần Quốc C4, sinh năm: 1979; Nơi đăng ký HKTT: Số B khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Nguyễn Văn S, sinh năm 1966; Nơi đăng ký HKTT: Số H, đường D, Tổ C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Đỗ Thị T3, sinh năm: 1990; Nơi đăng ký HKTT: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: 511, Tổ G, khu phố H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

2. Bùi Tuấn H, sinh năm 1982; Nơi đăng ký HKTT: 202/2 đường X, khu phố A, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

3. Phạm Thị H1, sinh năm 1974; Nơi đăng ký HKTT: Xóm A Phú Thọ, xã N, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

4. Hà Văn Q, sinh năm 1981; Nơi đăng ký HKTT: Thôn Q, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam; tạm trú: Khu phố V, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng: Nguyễn Tiến L2, Nguyễn Văn D2,Trịnh Đình A, Lê Văn N1. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 24/12/2023, Lê Ngọc D đi bộ qua nhà của Từ Văn C5 để D rủ C5 cùng đi tìm tài sản chiếm đoạt thì C5 đồng ý. Đến khoảng 01 giờ 00 phút ngày 25/12/2023, D và C5 đi bộ đến tiệm B địa chỉ số A, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương thì nhìn thấy nhà của ông Trần Quốc C4, sinh năm: 1979; Nơi đăng ký HKTT: Số B, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương cửa cổng đang khóa, bên trong thấy có nhiều xe mô tô đang dựng. Thấy vậy, C5 đứng phía ngoài cảnh giới, còn D leo tường rào vào trong lấy được chìa khóa cửa và chìa khóa xe mô tô đang treo trên tường, D mở cửa cổng lén lút đi bộ vào trong nhà lấy 01 xe mô tô nhãn hiệu Vision màu xanh, biển số: 36B3-674.70 đẩy ra ngoài đưa cho C5 điều khiển xe chạy đến bãi đất trống gần trường tiểu học B1 thuộc khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương cất giấu. D tiếp tục vào trong lấy 01 xe mô tô nhãn hiệu Vision, màu đen, biển số: 59S1-946.11 đẩy ra ngoài điều khiển xe chạy đến bãi đất trống cất giấu. Sau đó, C5 điều khiển xe mô tô biển số: 36B3-674.70 chở D chạy quay lại căn nhà của ông C4 để tiếp tục chiếm đoạt tài sản, C5 đứng ngoài cảnh giới, còn D vào trong nhà lấy 01 xe mô tô nhãn hiệu Airblade, màu đen vàng, biển số: 18L1-146.50 đẩy ra ngoài đường, cả hai điều khiển xe mô tô chạy đến bãi đất trống gần trường tiểu học B1 cất giấu. Sau khi chiếm đoạt được tài sản đem cất giấu, C5 điều khiển xe mô tô chở D đến tiệm Nét gần ngã tư Miếu Ô để chơi game nhưng đến nơi tiệm nét đóng cửa nên đi về. Trên đường về đến hẻm gần khu vực Làng D thuộc khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương thì C5 và D nhìn thấy 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh đen bạc, biển số: 61B1-279.74 của ông Nguyễn Văn S, sinh năm: 1966; Nơi đăng ký HKTT: Số H, đường D, tổ C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương đang dựng không có người trông coi. Cưng dừng xe mô tô lại đứng cảnh giới, còn D bước xuống lén lút chiếm đoạt xe mô tô biển số: 61B1-279.74, rồi cả hai điều khiển hai xe mô tô tẩu thoát về bãi đất trống gần trường tiểu học B1. Tại đây, D ở lại trông coi tài sản chiếm đoạt, còn C5 đi bộ về phòng trọ của D tại địa chỉ số E, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, C5 rủ Nguyễn Văn D1 và Lâm Văn V1 hỗ trợ mang xe mô tô chiếm đoạt được đem đi cất giấu để tìm chỗ bán lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân thì cả hai đồng ý.

Lúc này, C5 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh, biển số: 61B1-279.74 chở D1 và V1 chạy đến bãi đất trống. Tại đây, D điều khiển xe mô tô biển số: 18L1-146.50, V1 điều khiển xe mô tô biển số: 36B3-674.70 cùng chạy đến xưởng gỗ thuộc tổ B, khu phố P, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương gặp ông Nguyễn Tiến L2, sinh năm: 1986; Nơi đăng ký HKTT: Xóm C, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An, D nhờ ông L2 cho gửi 02 xe mô tô ngày mai đến lấy. Sau đó, D và Vĩnh bắt xe G chở về phòng trọ của D để ngủ, D1 điều khiển xe mô tô biển số: 59S1-946.11 chạy về phòng trọ của D dựng phía trước cửa

phòng, còn C5 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh đen bạc, biển số: 61B1-279.74 chạy về nhà.

Đến khoảng 05 giờ 00 phút cùng ngày, C5 đi qua phòng trọ của D nhìn thấy xe mô tô biển số: 59S1-946.11 đang dựng, C5 cũng thấy V đang ở phòng trọ của D nên nhờ V điều khiển xe mô tô biển số: 59S1-946.11 chạy về phòng trọ V cất giấu. V biết được đây là tài sản do nhóm D1 mới chiếm đoạt được, V đồng ý đem xe mô tô về phòng trọ cất giấu, chờ ngày hôm sau tìm chỗ đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Đến khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày, C5 đưa xe mô tô biển số: 61B1-279.74 kèm theo giấy chứng nhận xe mô tô cho V1 điều khiển chạy đến tiệm cầm đồ Vincom 1 tại đường D thuộc khu dân cư T, C, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương gặp ông Hà Văn Q, sinh năm: 1981; Nơi đăng ký HKTT: Thôn Q, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam cầm với giá 5.000.000 đồng, V1 đưa lại số tiền trên cho C5 và D tiêu xài cá nhân hết.

Đến khoảng 23 giờ 00 phút ngày 25/12/2023, Công an phường B qua truy xét đã mời Lê Ngọc D, Nguyễn Văn D1, Lâm Văn V1, Ngô Văn V2 về trụ sở làm việc; tại đây cả nhóm đã khai nhận hành vi phạm tội của mình nên Công an phường B đã lập hồ sơ và chuyển giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T xử lý. Riêng Từ Văn C5 đã bỏ trốn và bị bắt truy nã.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu đen, biển số: 59S1-946.11; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade màu đen vàng, biển số: 18L1-146.50; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu xanh, biển số: 36B3-674.70; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave màu xanh, biển số: 61B1-279.74; 02 (hai) USB chứa dữ liệu camera ghi nhận vụ trộm cắp tài sản.

Tại Kết luận định giá tài sản số 05 ngày 10/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tố tụng hình sự thành phố T kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu xanh, biển số: 36B3-674.70 có trị giá 7.500.000 đồng; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu đen, biển số: 59S1-946.11 có trị giá 7.500.000 đồng; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu vàng đen vàng, biển số: 18L1-146.50 có trị giá 10.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 25.000.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 45 ngày 22/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tố tụng hình sự thành phố T kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh đen bạc, biển số: 61B1-279.74 có trị giá 8.800.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 191/CT-VKS-TA ngày 16-7-2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Lê Ngọc D về tội ‘‘Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015; truy tố bị cáo Từ Văn Cưng về tội ‘‘Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và truy tố các bị cáo Ngô Phương V, Lâm Văn V1 và Nguyễn Văn D1 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phamh tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h, khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Lê Ngọc D từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h, khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Từ Văn C5 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo Lâm Văn V1 từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù.

Áp dụng khoản 1Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51, của Bộ luật Hình sự năm 2015, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo Ngô Phương V, Nguyễn Văn D1 từ mỗi bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù.

Đối với ông Nguyễn Tiến L2 cho Lê Ngọc D để nhờ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Vision màu xanh, biển số: 36B3-674.70 và 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Airblade màu đen vàng, biển số: 18L1-146.50 tại xưởng gỗ; ông L2 không biết xe mô tô trên là tài sản do Lê Ngọc D phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T không xử lý hình sự đối với ông L2.

Đối với ông Hà Văn Q, sinh năm: 1981; Nơi đăng ký HKTT: Thôn Q, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam không biết chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh đen bạc, biển số: 61B1-279.74 do Lâm Văn V1 mang đến cầm cố là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T không xử lý hình sự đối với ông Q.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade màu đen vàng, biển số: 18L1-146.50 là tài sản của bị hại ông Trần Quốc C4; Quá trình điều tra, xác định xe mô tô trên do bà Phạm Thị H1, sinh năm: 1974; Nơi đăng ký HKTT: Xóm A Phú Thọ, xã N, huyện H, tỉnh Nam Định đứng tên trên giấy đăng ký xe. Bà H1 đã bán lại xe mô tô cho ông C4 nhưng chưa sang tên đổi chủ, do đã bán xe trên nên bà H1 không yêu cầu bồi thường, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T trả lại xe mô tô trên cho ông C4.

Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu xanh, biển số: 36B3-674.70 là tài sản của bị hại ông Trần Quốc C4. Quá trình điều tra, xác định xe mô tô trên của bà Đỗ Thị T3, sinh năm: 1990; Nơi đăng ký HKTT: Thôn T, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa đứng tên trên giấy đăng ký xe. Bà T3 đã bán lại xe mô tô cho ông C4 nhưng chưa sang tên đổi chủ, do đã bán xe trên nên bà

T3 không yêu cầu bồi thường, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T trả lại xe mô tô trên cho ông C4.

Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu đen, biển số: 59S1-946.11 là tài sản của bị hại ông Trần Quốc C4. Quá trình điều tra, xác định xe mô tô trên của ông Bùi Tuấn H, sinh năm: 1982; Nơi đăng ký HKTT: 202/2 đường X, khu phố A, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên trên giấy đăng ký xe. Ông H đã bán lại xe mô tô cho ông C4 nhưng chưa sang tên đổi chủ, do đã bán xe trên nên ông H không yêu cầu bồi thường, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T trả lại xe mô tô trên cho ông C4 là có căn cứ.

Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave màu xanh, biển số: 61B1-279.74 là tài sản của bị hại ông Nguyễn Văn S, sinh năm: 1966; Nơi đăng ký HKTT: Số H, đường D, tổ C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T trả lại xe mô tô trên cho ông S.

Đối với 02 (hai) USB chứa dữ liệu camera ghi nhận vụ trộm cắp tài sản đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T trích xuất hình ảnh đưa vào hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Trần Quốc C4 và ông Nguyễn Văn S đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì khác nên trách nhiệm dân sự không đặt ra. Ông Hà Văn Q không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền 5.000.000 đồng mà ông Q đã bỏ ra nhận cầm cố xe mô tô nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thống nhất tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng, không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thuận An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Bị hại vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên quá trình điều tra bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bị cáo bồi thường dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 25/12/2023, khu phố B và khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, Từ Văn C5, Lê Ngọc D đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu xanh, biển số: 36B3-674.70 có trị giá 7.500.000 đồng, 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu đen, biển số: 59S1-946.11 có trị giá 7.500.000 đồng, 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu vàng đen vàng, biển số: 18L1-146.50 có trị giá 10.000.000 đồng của ông Trần Quốc C4 và 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh đen bạc, biển số: 61B1-279.74 có trị giá 8.800.000 đồng của ông Nguyễn Văn S; Sau khi chiếm đoạt được tài sản, D và C5 nhờ Lâm Văn V1, Nguyễn Văn D1, Ngô Phương V đem các xe mô tô cất giấu để tìm chỗ bán lấy tiền chia nhau tiêu xài thì bị phát hiện bắt giữ. Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 33.800.000 đồng.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được Nhà nước và pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Trong vụ án này, các bị can trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

Bị cáo Lê Ngọc D vào 16/3/2021 đã bị xét xử với tình tiết tăng nặng là tái phạm, bị cáo chưa được xoá án tích lại tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm là tình tiết định khung theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự

Do đó, hành vi của bị cáo Lê Ngọc D đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Hành vi của bị cáo Từ Văn C5 đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Hành vi của các bị cáo Lâm Văn V1, Nguyễn Văn D1, Ngô Phương V biết được tài sản là do Từ Văn C5, Lê Ngọc D phạm tội mà có những vẫn đồng ý mang đi tiêu thụ nên hành vi của các bị cáo Lâm Văn V1, Nguyễn Văn D1, Ngô Phương V đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An truy tố các bị cáo về tội danh và khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng người và đúng pháp luật.

[5] Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm nhưng vì động cơ tư lợi, bị cáo cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Do đó cần xử phạt các bị cáo với mức án tương

xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội nhằm đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[6] Về nhân thân: Bị cáo Từ Văn C5, Lê Ngọc D và Lâm Văn V1 có nhân thân xấu, đã từng bị tòa án xét xử nhưng vẫn không biết hối cải và vẫn tiếp tục phạm tội.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Từ Văn C5, Lê Ngọc D và Lâm Văn V1 có tình tiết tăng nặng phạm tội từ 02 lần trở lên. Các bị cáo còn lại không có.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản đã thu hồi trả lại toàn bộ tài sản cho bị hại, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[9] Lời đề nghị mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ, đúng luật, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên được chấp nhận.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn Q tự nguyện không yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 5.000.000đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào

- Điểm g, khoản 2, Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lê Ngọc D.

- Khoản 1, Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Từ Văn C5.

- Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lâm Văn V1.

- Khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo Ngô Phương V và Nguyễn Văn D1.

- Điều 106; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự

Tuyên bố các bị cáo Từ Văn C5 và Lê Ngọc D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Tuyên bố các bị cáo Lâm Văn V1, Nguyễn Văn D1, Ngô Phương V phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

1.1. Xử phạt bị cáo Lê Ngọc D 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/12/2023.

1.2. Xử phạt bị cáo Từ Văn C5 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/6/2024.

1.3. Xử phạt bị cáo Lâm Văn V1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/12/2023.

1.4. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D1 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/12/2023.

1.5. Xử phạt bị cáo Ngô Phương V 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/12/2023.

3. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự.

4. Về quyền kháng cáo

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Công an thành phố Thuận An
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, THAHS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thiệu Văn Kết Em

.